

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c :
H ã T :

L p h c : 35CKX1
H c ph n : 122167311801 - K to ãn doanh ngh p x^a y
đ ng

NÑm h c : 2012-2013
H c km : HK02

ñ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572020282	35CKX1	Ph m H ng ã c	07/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3572020540	35CKX1	Di p T n Vinh	10/10/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
3	3572020547	35CKX1	Phan H i Y n	25/05/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	8.3	5.8	8.4	
4	3572020558	35CKX1	Nguy n Tr ch ã ng	04/12/1992				7.0	4.0		5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
5	3572020583	35CKX1	Tr n ã c Long	07/06/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	2.1	1.5	1.5	
6	3572020584	35CKX1	Nguy n Qu c Bình	25/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3572020602	35CKX1	Nguy n Nghĩĩ Nhân	16/10/1993				2.0	6.0		4.0	1.2	6.8	4.8	6.0	
8	3572020620	35CKX1	Tr n Quang Thu n	22/04/1993				5.0	1.0		3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
9	3572020627	35CKX1	ñ u VÑĩ Hũng	08/08/1992				7.0	5.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
10	3572020631	35CKX1	ñ inh VÑĩ H u	15/06/1993				5.0	3.0		4.0	1.2	4.3	3.0	4.2	
11	3572021035	35CKX1	Nguy n Ng c Th nh	19/10/1993				7.0	4.0		5.5	1.7	6.4	4.5	6.1	
12	3572021036	35CKX1	Ph m Thanh Tũng	22/09/1993				0.0	4.0		2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
13	3572021037	35CKX1	Lê Quang Trung	09/02/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	6.8	4.8	6.4	
14	3572021038	35CKX1	H Trung Tài	10/03/1993				3.0	3.0		3.0	0.9	8.8	6.2	7.1	
15	3572021039	35CKX1	Nguy n Th Thanh H ng	16/05/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	8.3	5.8	7.8	
16	3572021040	35CKX1	ñ ng Ph ng Trú c	27/09/1993				10.0	7.0		8.5	2.6	9.5	6.7	9.2	
17	3572021041	35CKX1	Nguy n VÑĩ Hũng	09/10/1993				1.0	6.0		3.5	1.1	3.6	2.5	3.6	
18	3572021042	35CKX1	Ph m Th B ch Di p	12/12/1993				10.0	8.0		9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
19	3572021043	35CKX1	Kh ng Minh Quân	26/12/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	4.0	2.8	3.9	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CKX1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 122167311801 - K t o n doanh ngh p x^a y H c km : HK02
d ng

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572021044	35CKX1	Ph m V ã T ài	01/03/1992				2.0	3.0		2.5	0.8	7.0	4.9	5.7	N HP
21	3572021046	35CKX1	Ph m Qu c H ng	24/12/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
22	3572021048	35CKX1	Quách Anh Khoa	14/05/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
23	3572021049	35CKX1	Ho ã V ã T i n	18/02/1992				4.0	4.0		4.0	1.2	6.8	4.8	6.0	
24	3572021052	35CKX1	Phan H ng Kha	06/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
25	3572021053	35CKX1	Hu ã V ã Phi	14/10/1993				3.0	4.0		3.5	1.1	5.0	3.5	4.6	
26	3572021055	35CKX1	ñ ng V ã B ã nh	09/08/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
27	3572021056	35CKX1	Nguy n Th Thu Loan	02/02/1993				9.0	5.0		7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
28	3572021058	35CKX1	ñ ng Th Ng c Hu	14/12/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
29	3572021060	35CKX1	Tr n Th Linh	24/09/1993				8.0	5.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
30	3572021061	35CKX1	Danh ã c M nh	06/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	5.5	3.9	3.9	N HP
31	3572021064	35CKX1	L ² V ã L ã m	25/12/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	4.6	3.2	4.7	
32	3572021067	35CKX1	Lê Công Sinh	01/01/1993				3.0	6.0		4.5	1.4	9.3	6.5	7.9	
33	3572021069	35CKX1	L ² Th Kim Chung	18/05/1993				5.0	4.0		4.5	1.4	8.5	6.0	7.3	
34	3572021070	35CKX1	Nguy n Thu ĩ Ki u	01/08/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	9.8	6.9	9.1	
35	3572021074	35CKX1	Nguy n Ng c Minh Lu ã n	10/07/1990				2.0	0.0		1.0	0.3	5.0	3.5	3.8	
36	3572021078	35CKX1	Tr ã ng Ng c S n	17/08/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	5.8	4.1	5.7	
37	3572021085	35CKX1	Tr ã ng Ho ã Th ã ng	29/10/1992				3.0	3.0		3.0	0.9	5.6	3.9	4.8	
38	3572021088	35CKX1	T ã ng ã c Xu ã n	21/03/1992				4.0	5.0		4.5	1.4	3.1	2.2	3.5	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKX1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122167311801 - K t ấ n doanh ngh p x ấ y H c km : HK02
đ ng

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572021091	35CKX1	Bi n Tri u	Minh	26/04/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	7.5	5.3	5.3	
40	3572021093	35CKX1	Ph m Th Ng ấ n	ấ nh	18/08/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	9.8	6.9	8.5	
41	3572021094	35CKX1	Nguy n Th M	Duy ấ	19/02/1993				10.0	8.0		9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
42	3572021100	35CKX1	Nguy n Th ấ nh	V ấ nh	01/01/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	7.5	5.3	7.2	
43	3572021101	35CKX1	Nguy n Th	L ấ	25/09/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	9.3	6.5	8.3	
44	3572021103	35CKX1	Nguy n Linh	T ấ n	28/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
45	3572021104	35CKX1	Phan ấ nh	H ấ	26/08/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	3.3	2.3	3.1	
46	3572021106	35CKX1	Nguy n V ấ nh	Duy	10/09/1993				10.0	7.0		8.5	2.6	9.3	6.5	9.1	
47	3572021108	35CKX1	Ph m Th H ấ	Trang	27/03/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	4.6	3.2	4.9	
48	3572021109	35CKX1	Ph m Thanh	H ấ ng	13/08/1993				5.0	0.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	N HP
49	3572021111	35CKX1	Hu ấ nh Minh	Nh t	09/02/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	7.3	5.1	5.9	
50	3572021112	35CKX1	Hu ấ nh Quang	T ấ n	26/10/1992				1.0	2.0		1.5	0.5	4.3	3.0	3.5	
51	3572021113	35CKX1	Tr n Qu c	Ý	30/03/1993				2.0	4.0		3.0	0.9	8.6	6.0	6.9	
52	3572021116	35CKX1	ấ T n	ấ t	20/09/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	8.8	6.2	8.3	
53	3572021118	35CKX1	Nguy n Tr ng	Ho ấ ng	30/01/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	7.8	5.5	6.2	
54	3572021121	35CKX1	Nguy n Th	Ho ấ ng	12/09/1991				7.0	6.0		6.5	2.0	9.3	6.5	8.5	
55	3572021149	35CKX1	Nguy n Th H ng	V ấ nh	14/03/1992				10.0	4.0		7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
56	3572021194	35CKX1	Hu ấ nh V ấ nh	Thi ấ n	05/09/1990				1.0	1.0		1.0	0.3	3.5	2.5	2.8	
57	3572021205	35CKX1	ấ ấ Ng c	Ki ấ n	11/11/1992				4.0	7.0		5.5	1.7	3.8	2.7	4.3	N HP

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CKX1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 122167311801 - K t o ã n doanh ngh p x^a y H c km : HK02
d ng

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3572021213	35CKX1	Tr n Xu ^a n	Thi n	23/03/1993				5.0	0.0		2.5	0.8	6.1	4.3	5.0	
59	3572021220	35CKX1	Nguy n Thu	Thanh	06/09/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	9.8	6.9	9.0	
60	3572021284	35CKX1	Nguy n H u	C m	01/03/1990				7.0	5.0		6.0	1.8	7.3	5.1	6.9	
61	3572021336	35CKX1	ñ inh Th Th ½ y	Trang	05/03/1993				10.0	7.0		8.5	2.6	8.8	6.2	8.7	
62	3572021383	35CKX1	Th i ã c	C ng	12/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
63	3572021428	35CKX1	Hu m h T ^a n	Tuy n	24/08/1986				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
64	3572021454	35CKX1	V ½ T ng	Luy n	02/11/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
65	3572021528	35CKX1	ñ Th Th ½ y	Dung	01/08/1992				10.0	7.0		8.5	2.6	6.8	4.8	7.3	
66	3572021568	35CKX1	V ½ Th Thanh	Nhã	14/09/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	9.5	6.7	8.3	
67	3572021598	35CKX1	Nguy n Th	Minh	06/01/1993				10.0	9.0		9.5	2.9	8.0	5.6	8.5	
68	3572021647	35CKX1	Lê Bá	Linh	20/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
69	3572021661	35CKX1	Ph m Huy	Hi u	19/02/1993				3.0	4.0		3.5	1.1	5.3	3.7	4.8	
70	3572021706	35CKX1	L u Th Hu m h Nh	Ph ng	23/03/1992				10.0	7.0		8.5	2.6	9.3	6.5	9.1	
71	3572021782	35CKX1	Tr n M nh	Duy	20/06/1992				1.0	4.0		2.5	0.8	3.5	2.5	3.2	
72	3572021799	35CKX1	Tr n ã nh	Thành	29/12/1992				6.0	4.0		5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
73	3572021820	35CKX1	L ² Th Th ½ nh	Công	15/07/1987				6.0	7.0		6.5	2.0	7.6	5.3	7.3	
74	3572021821	35CKX1	H © Ki u	Tiên	10/06/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	
75	3572021836	35CKX1	NGUY N TRUNG	HI U	11/06/1992				4.0	4.0		4.0	1.2	2.8	2.0	3.2	

T ñg s : 75 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa